

PGD TP BÀ RỊA

TRƯỜNG THCS DƯƠNG VĂN MẠNH

ĐỊNH HƯỚNG ÔN TẬP GIỮA HKI

NGỮ VĂN 9

NĂM HỌC: 2024-2025

A. MỘT SỐ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Văn bản

- Yêu cầu cần đạt

- + Nhận biết kiểu văn bản, thể loại;
- + Nhận biết và phân tích được các chi tiết tiêu biểu: nhân vật, lời kể, đề tài, ngôi kể, chủ đề, thông điệp, ý nghĩa,.. của văn bản truyện;
- + Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức, từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ, vần, nhịp; nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo... của người viết thể hiện qua văn bản thơ.
- + Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. Biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng hoặc sai, biết bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản.
- + Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản thông tin; phân tích được thông tin cơ bản của văn bản, giải thích được ý nghĩa nhan đề trong việc thể hiện thông tin cơ bản; nhận biết và phân tích được quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ dùng để biểu đạt thông tin trong văn bản.
- + Rút ra bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.
- + Nêu được ý nghĩa hay tác động đối với tình cảm, nhận thức, lối sống của cá nhân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học.

2. Tiếng Việt

- + Biện pháp tu từ: so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hoá, điệp ngữ, nói quá, đảo ngữ, câu hỏi tu từ,...

- Yêu cầu cần đạt

- + Nhận biết và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ;

3. Viết: Viết bài văn nghị luận văn học

- Yêu cầu cần đạt:

- + Hiểu rõ khái niệm, đặc điểm của một bài văn;
- + Nắm rõ cách viết bài văn nghị luận phân tích tác phẩm văn học.
- + Biết viết bài văn nghị luận văn học.
- + Viết được bài văn nghị luận phân tích về bài thơ (đoạn thơ), một khía cạnh về nội dung chủ đề, một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mỹ của nó.
- + Viết được đoạn văn nghị luận phân tích về tác phẩm truyện (đoạn truyện) một phương diện về nhân vật, một khía cạnh về nội dung chủ đề, một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mỹ của nó.

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

I. Văn bản

1. Các chủ điểm

STT	CHỦ ĐIỂM	THỂ LOẠI	TÊN VĂN BẢN
1	Bài 1: Thương nhớ quê hương	Thơ	- Quê hương - Bếp lửa
2	Bài 2: Giá trị của văn chương	Văn bản nghị luận	- Về hình tượng bà Tú trong bài thơ Thương vợ - Ý nghĩa văn chương
3	Bài 3: Những di tích lịch sử và danh thắng	Văn bản thông tin	- Vườn quốc gia Cúc Phương - Ngọ Môn

2. Đặc trưng thể loại

A (Thể loại)	Khía cạnh	B (Đặc điểm)
	Kết cấu của bài thơ	- Kết cấu của bài thơ là toàn bộ tổ chức chặt chẽ và sinh động các yếu tố về nội dung và hình thức của bài thơ, tạo ra tính toàn vẹn và thể hiện một cách tốt nhất chủ đề, tư tưởng của tác phẩm. Kết cấu của bài thơ được biểu hiện ở mọi phương diện tổ chức của tác phẩm: (1) sự chọn lựa thể

		thơ (2) sự sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định (bố cục); (3) sự triển khai mạch cảm xúc; (4) sự phối hợp của vần, nhịp, hình ảnh thơ, các biện pháp tu từ ...
	Ngôn ngữ thơ	Ngôn ngữ thơ có đặc điểm là hàm súc, ngắn gọn, giàu hình ảnh, gọi nhiều hơn tả, giàu nhạc điệu, được tổ chức thành một cấu trúc đặc biệt: có vần, nhịp, thanh điệu, đối ...
	Hình ảnh trong thơ	Là những chi tiết, cảnh tượng từ thực tế đời sống, được tái hiện bằng ngôn ngữ thơ ca, góp phần diễn tả cảm xúc, suy ngẫm của nhà thơ về thế giới và con người. Chẳng hạn hình ảnh “buồm trắng” trong câu thơ “Cha mượn cho con buồm trắng nhé/ Để con đi...” thể hiện niềm khao khát được đi đến những bờ bến mới của nhân vật “con” trong bài thơ Những cánh buồm (Hoàng Trung Thông).
	Vần, nhịp và vai trò của vần, nhịp trong thơ	Vần trong thơ Việt Nam gồm vần chân và vần lưng. Vần chân (hay cước vận) là vần được gieo vào cuối dòng thơ, nghĩa là các tiếng ở cuối dòng vần với nhau. Vần chân là hình thức gieo vần phổ biến nhất trong thơ. Vần lưng (hay yêu vận): là vần được gieo ở giữa dòng thơ, nghĩa là tiếng cuối của dòng trên vần với một tiếng nằm ở giữa dòng dưới hoặc các tiếng trong cùng một dòng thơ hiệp vần với nhau. Ví dụ: <i>Chúng em trong bản</i> <i><u>nhỏ</u></i> <i>Phơi thật nhiều <u>cỏ</u> thom</i> <i>Để mùa đông đem tặng</i> <i>Ngựa biên phòng yêu thương.</i> (Phan Thị Thanh Nhàn, Ngựa biên phòng)
	Nhịp thơ và vai trò của nhịp trong thơ	- Nhịp thơ được biểu hiện ở chỗ ngắt chia dòng và câu thơ thành từng vế hoặc ở cách xuống dòng (ngắt dòng) đều đặn cuối mỗi dòng thơ. Nhịp có tác dụng tạo tiết tấu, làm nên nhạc điệu của bài thơ, đồng thời cũng góp phần <i>Cái xắc xinh xinh Cái</i> <i>chân/ thoăn thoắt Cái</i> <i>đầu/ nghênh nghênh.</i> (Tố Hữu, Lượm) Cách ngắt nhịp ngắn 2/2 của từng dòng thơ và ngắt ở cuối

Thơ		mỗi dòng thơ trong vế trên góp phần tạo nên tiết tấu rộn ràng, vui tươi cho đoạn thơ, gợi lên hình ảnh hồn nhiên hoạt bát của chú bé Lượm.
	Bố cục của bài thơ	- Bố cục của bài thơ là sự tổ chức, sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định. Việc xác định bố cục giúp người đọc có cái nhìn tổng quát, biết rõ bài thơ có mấy phần, vị trí và ranh giới từng phần trong bài thơ, từ đó có thể xác định được mạch cảm xúc của bài thơ.
	Mạch cảm xúc của bài thơ	- Mạch cảm xúc của bài thơ là sự tiếp nối, sự vận động của cảm xúc trong bài thơ. VD: “Việt Nam quê hương ta” -Ng Đình Thi: Từ cảm xúc tự hào về vẻ đẹp trù phú, thanh bình của QH => Cảm xúc tự hào, yêu thương tha thiết con người VN.
	Cảm hứng chủ đạo	- Cảm hứng chủ đạo là trạng thái tình cảm mãnh liệt, thường gắn với tư tưởng và đánh giá nhất định được thể hiện xuyên suốt tác phẩm, tác động đến cảm xúc của người đọc. VD:”Mẹ”-Đỗ Trung Lai: cảm hứng xót thương day dứt xen lẫn bất lực, nuối tiếc khi nhận ra dấu ấn thời gian và những nổi vất vả của cuộc đời in hằn lên bóng dáng mẹ.
Văn bản nghị luận	Cách trình bày vấn đề khách quan	Chỉ đưa thông tin, nêu ra các bằng chứng khách quan. Cách trình bày này tạo ra cơ sở vững chắc (từ pháp lí, từ thực tiễn, ...), đảm bảo tính chính xác, đúng đắn cho các lập luận.
	Cách trình bày vấn đề chủ quan	đưa ra ý kiến, đánh giá chủ quan, thể hiện rõ tình cảm, quan điểm của người viết. Cách trình bày này tác động đến cảm xúc của người đọc, khơi gợi sự đồng cảm, mối quan tâm của người đọc về những vấn đề được bàn luận.
Văn bản thông tin giải thích	Về cấu trúc	+ Phần mở đầu + Phần nội dung + Phần kết thúc

một hiện tượng tự nhiên.	Về đặc điểm hình thức	+ Các đề mục để làm nổi bật thông tin chính + Một số từ ngữ chuyên ngành (kiến trúc, lịch sử, địa lí, sinh vật,...) + Từ ngữ giàu giá trị miêu tả, biểu cảm + Hình ảnh minh họa, sơ đồ/ bản đồ chỉ dẫn,...
	Về cách trình bày thông tin	Thông tin thường được trình bày theo trật tự thời gian, theo trật tự không gian, theo cách phân loại đối tượng, quan hệ nhân quả,...

II. TIẾNG VIỆT

STT	Nội dung tiếng Việt	Khái niệm, đặc điểm/vai trò	Ví dụ (nếu có)
1	Biện pháp tu từ chơi chữ	Chơi chữ là biện pháp tu từ sử dụng âm thanh, từ ngữ để tạo ra ý nghĩa bất ngờ, thú vị, làm tăng sức hấp dẫn cho văn bản. Chơi chữ có thể dựa trên hiện tượng đồng âm, lối nói gần âm, cách điệp âm, lối nói lái, lối tách từ ...	<i>Chị Xuân đi chợ mùa hè</i> <i>Mua cá thu về chợ</i> <i>hãy còn đông”.</i>
2	Biện pháp tu từ điệp thanh	Điệp thanh là biện pháp tu từ lặp lại thanh điệu (thường là cùng thuộc thanh bằng hay thanh trắc) nhằm mục đích tạo nên nhạc tính, tăng tính tạo hình và sức biểu cảm cho văn bản	Ô! Đêm nay trời trong như gương Không làn mây vương không hơi sương. (Hàn Mặc Tử, Tiêu sầu)
3	Biện pháp tu	Điệp vần là biện pháp tu từ lặp lại những âm tiết có phần vần giống nhau nhằm mục	Năm gian nhà cỏ thấp le te .

từ điệp vần	đích làm tăng sức biểu cảm và nhạc tính cho văn bản	Ngõ tối đêm sâu đóm lập loè. (Nguyễn Khuyên, Thu âm)
----------------	--	---

C . TẬP LÀM VĂN

Nghị luận phân tích một tác phẩm văn học

Kiểu bài	Khái niệm	Yêu cầu đối với kiểu bài
Phân tích một tác phẩm văn học	Phân tích một tác phẩm văn học (nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mỹ của nó) thuộc kiểu bài nghị luận văn học, trong đó người viết dùng lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả của nó đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm. HS tham khảo dàn ý bài nghị luận văn học SGK/ 46	- Về nội dung: phân tích được nội dung chủ đề, nêu và phân tích được tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật đối với việc thể hiện nội dung. - Về hình thức: lập luận chặt chẽ, có bằng chứng tin cậy từ tác phẩm, diễn đạt mạch lạc, sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận của văn bản. - Bố cục bài viết

ĐỀ 1

I. PHÂN ĐỌC HIỂU

Em hãy đọc kĩ đoạn trích dưới đây rồi trả lời các câu hỏi bên dưới:

(1) ” Không thể phủ nhận trong xã hội hiện nay vẫn tồn tại kiểu người vô cảm trước nỗi đau của đồng loại, sống thiếu trách nhiệm với cộng đồng, chỉ quan tâm đến những cảm giác và cảm xúc của cá nhân... Tuy nhiên, những điều chưa tốt đó đã bị khai thác quá nhiều, khoét quá sâu nên nhiều người dễ nghĩ đó là sự phổ quát. Hơn

nữa, người ta thường có xu hướng nhìn thấy những cái xấu nhiều hơn cái tốt, vì thế mọi sự liên quan đến hành vi xấu dễ bị đánh giá chủ quan.

(2) Trong khi đó, những điều giản đơn như gặp người lớn phải chào thưa, gặp người thân lễ phép, gặp người ơn phải trân quý, kính trọng... được cụ thể hóa thành những điều bình dị rất đời thường, ngay trong chính mỗi gia đình. Lớn lên trong lời ru của mẹ, trưởng thành từ chiếc nôi gia đình với những câu ca dao, tục ngữ; những bài học làm người khó quên... Tất cả là hành trang quan trọng để người ta làm người tử tế. [...]

(3) Tuy nhiên, sự tử tế không phải là tài sản quý theo kiểu của để dành cũng không phải là món quà tự nhiên được ban tặng mà đó là hành trình làm người, hoàn thiện bản thân. Sự tử tế có được nhờ nguyên tắc của việc làm theo cái đúng đắn là bắt buộc; dựa trên quá trình rèn giũa, điều chỉnh và hoàn thiện để có những suy nghĩ, bày tỏ cảm xúc và hành vi tốt – ngay cả với nút like hay những dòng bình luận trên mạng xã hội.”

(Trích: *Sự tử tế không phải là món quà*, PGS. TS Huỳnh Văn Sơn)

Câu 1. Văn bản trên đề cập đến vấn đề gì ?

Câu 2: Theo tác giả, hiện nay người ta thường có xu hướng đánh giá hành vi như thế nào?

Câu 3: Nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê có trong đoạn văn (2).

Câu 4.: Em hiểu như thế nào về câu văn: “Tuy nhiên, sự tử tế không phải là tài sản quý theo kiểu của để dành cũng không phải là món quà tự nhiên được ban tặng mà đó là hành trình làm người, hoàn thiện bản thân.”

Câu 5.: Em có đồng tình với ý kiến : “Sự tử tế có được nhờ nguyên tắc của việc làm theo cái đúng đắn là bắt buộc.” ? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT

Viết bài văn nghị luận phân tích Truyện ngắn: “*Bố của Xi-mông*” của nhà văn Guy-đơ Mô-pát-xăng.

Dàn ý:

Mở bài:

- Giới thiệu tên tác phẩm, tác giả, thể loại: “*Bố của Xi-mông*” của Guy-đơ Mô-pát-xăng.

- Khái quát những nét đặc sắc về chủ đề, về hình thức nghệ thuật nổi bật: chủ đề “yêu thương, sẻ chia”/ vai trò của người bố với trẻ thơ/ ...; nghệ thuật kể chuyện nhẹ nhàng, trong trẻo mà sâu sắc.

Thân bài:

* Phân tích chủ đề: Cốt truyện Nhân vật Chi tiết Ngôi kể Lời người kể chuyện Tình huống truyện

Truyện có nhiều chủ đề.

HS có thể chọn một trong các chủ đề:

Chủ đề 1: Yêu thương, chia sẻ với những mảnh đời thiệt thòi, làm lỡ

+ Nhân vật Phi-líp trong mối quan hệ với các nhân vật khác: chú bé Xi-mông, chị Blăng-sốt, người dân trong làng.

(1) Chủ đề yêu thương, chia sẻ được thể hiện qua cách cư xử của nhân vật Phi-líp với chú bé Xi-mông.

Ý nghĩa rút ra: Trong cuộc sống cần phải biết mở lòng, chia sẻ, bảo vệ những con người yếu thế, chịu nhiều thiệt thòi.

(2) Chủ đề yêu thương, chia sẻ được thể hiện qua cách cư xử của nhân vật Phi-líp với chị Blăng-sốt

Ý nghĩa rút ra: Đặt mình trong hoàn cảnh của người bị làm lỡ, thấu hiểu, đồng cảm và bao dung họ.

Chủ đề 2: Vai trò của người bố đối với trẻ thơ –

(1) Chủ đề vai trò của người bố đối với trẻ thơ được thể hiện qua *nỗi đau của Ximông khi bị chúng bạn trêu chọc vì không có bố*.

Ý nghĩa rút ra: Không có bố thật bất hạnh, cuộc đời trở nên chông chênh, vô nghĩa.

(2) Chủ đề vai trò của người bố đối với trẻ thơ được thể hiện qua *niềm sung sướng, sự tự tin của Xi-mông khi gặp được chú Phi-líp*.

Ý nghĩa rút ra: Có một người bố sẽ đem đến hạnh phúc trọn vẹn cho gia đình, cho trẻ thơ một điểm tựa vững chắc.

*** Phân tích một số nét đặc sắc nghệ thuật của truyện Có thể chọn 1 số các yếu tố sau:**

- *Cách xây dựng tâm lí nhân vật:* miêu tả Xi-mông qua ý nghĩ lời nói, giọt nước mắt; chị Blăng-sốt qua cử chỉ, hành động → tác dụng: tạo sự đồng cảm của người đọc, thể hiện tấm lòng nhân đạo của nhà văn đối với trẻ em và phụ nữ

- *Chi tiết đặc sắc:* Phi-líp nhận làm bố Xi-mông lặp lại hai lần → tác dụng: Thể hiện khát khao có bố của Xi-mông, ước mong được yêu thương được hạnh phúc của chị Blăng- sốt, làm nổi bật sự tốt bụng, giàu lòng yêu thương của bác Phi-líp.

- *Xây dựng chi tiết (hình ảnh) tương phản:* cái nhìn, thái độ của nhân vật Phi-líp dành cho mẹ con Xi-mông hoàn toàn tương phản với cái nhìn, thái độ của dân làng → tác dụng: làm nổi bật giá trị của sự thấu hiểu, bao dung, yêu thương, ...

- Người kể chuyện: chọn ngôi kể thứ ba ...

2.3 Kết Bài: Khẳng định ý kiến về chủ đề, những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện.

.....OoO.....

ĐỀ 3

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau:

BÀI THƠ QUÊ HƯƠNG

[...]Quê hương tôi có cây bầu cây nhĩ Tiếng đàn kêu tích tịch tình tang... Có cô Tấm nấu mình trong quả thị, Có người em may túi đống ba gang.	Quê hương tôi có bà Trưng, bà Triệu Cưỡi đầu voi, dấy nghĩa, trả thù chung. Ông Lê Lợi đã trường kỳ kháng chiến Hưng Đạo Vương đã mở hội Diên Hồng.
Quê hương tôi có ca dao tục ngữ, Ông trăng tròn thường xuống mọi nhà chơi. Một đĩa muối cũng mặn tình chồng vợ, Một dây trầu cũng nhắc chuyện lứa đôi.	Quê hương tôi có múa xoè, hát đúm, Có hội xuân liên tiếp những đêm chèo. Có Nguyễn Trãi, có “Bình Ngô đại cáo” Có Nguyễn Du và có một “Truyện Kiều”.[...]
Con chim nhỏ cũng đau hồn nước mắt “Cuộc cuộc” kêu nhỏ máu những đêm vàng, Chân ngựa đá cũng dính bùn trận mạc Theo người đi cứu nước chống xâm lăng.	(Trích <i>Bài thơ quê hương</i> –Nguyễn Bính, <i>Nguyễn Bính thơ và đời</i>, NXB Văn học Hà Nội, tr134-135)

Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào? Phương thức biểu đạt?

Câu 2 Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 3 . Trong khổ thơ thứ tư, những người anh hùng nào đã được nhà thơ nhắc đến?

Câu 4. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ sau:

*Quê hương tôi có múa xoè, hát đúm,
Có hội xuân liên tiếp những đêm chèo
Có Nguyễn Trãi, có Bình Ngô đại cáo
Có Nguyễn Du và có một Truyện Kiều*

Câu 5 . Nêu thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm trong đoạn thơ.

Câu 6. Qua đoạn thơ trên, hãy nêu suy nghĩ của em về tình yêu đối với quê hương.

II. PHẦN VIẾT (4 điểm):

Viết bài văn nghị luận phân tích Truyện ngắn: “*Gió lạnh đầu mùa*” của nhà văn Thạch Lam

Dàn ý:

Mở bài: - Giới thiệu tên tác phẩm, tác giả, thể loại: Truyện “Gió lạnh đầu mùa” của Thạch Lam/ - Khái quát những nét đặc sắc về chủ đề, về hình thức nghệ thuật nổi bật: chủ đề “yêu thương, sẻ chia”/ vai trò của người bố với trẻ thơ/ ...; nghệ thuật kể chuyện nhẹ nhàng, trong trẻo mà sâu sắc.

2.2. Thân bài:

a. Luận điểm 1. Phân tích chủ đề - Phân tích từng khía cạnh (hai khía cạnh) của chủ đề: bằng chứng, lý lẽ, ý nghĩa thông điệp rút ra.

Với văn bản “Gió lạnh đầu mùa” có thể: Chủ đề: yêu thương, chia sẻ

Khía cạnh 1. Thể hiện qua cách Sơn (chị Lan) cư xử với Hiên.

Khía cạnh 2. Thể hiện qua cách cư xử của hai bà mẹ.

b. Luận điểm 2. Phân tích những (hai) hình thức nghệ thuật đặc sắc làm nổi bật chủ đề truyện. Bằng chứng, lý lẽ phù hợp làm sáng tỏ từng nét đặc sắc nghệ thuật

2.3 Kết Bài: Khẳng định ý kiến về chủ đề, những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện.

.....**HẾT**.....

Các em hãy nhớ: “Trên con đường dẫn đến thành công không có dấu chân của kẻ lười biếng”

CHÚC CÁC EM ÔN TẬP VÀ HOÀN THÀNH TỐT BÀI THI!!